

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới, xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNN Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2172/QĐ-CTUBND ngày 13/11/2012 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3394/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND huyện Tuy Phước về việc điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của UBND xã Phước Hưng tại Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 15/12/2014 và đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Báo cáo số 20/BC-PKT&HT ngày 26/02/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy phước đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng các Phòng: Kinh tế & Hạ tầng, Nông nghiệp & PTNT, Tài nguyên & Môi trường, Chủ tịch UBND xã Phước Hưng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban chỉ đạo XD NTM huyện;
- LDVP (đ/c Tỉnh), CVVP (K3);
- Lưu: VT

kh
Uhh



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

QUY ĐỊNH

Quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số. ~~694~~ **694**/QĐ-UBND ngày. ~~06.1.2015~~ **06.1.2015**
của UBND huyện Tuy Phước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

1. Quy định quản lý xây dựng nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước quy định việc quản lý, sử dụng đất và quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn xã được lập trên cơ sở quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn, định hướng phát triển chung của khu vực và toàn xã, phù hợp với các quy định khác.

2. Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước và các quy định tại Quy định này làm cơ sở để UBND xã và các phòng chuyên môn cấp huyện xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan; là một căn cứ để xác định việc lập dự án đầu tư xây dựng vào khu vực xã theo đúng quy hoạch và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:

1. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch:

- Phạm vi ranh giới:

+ Phía Bắc giáp xã Nhơn An và xã Nhơn Hạnh, thị xã An Nhơn.

+ Phía Đông giáp xã Phước Quang và xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước.

+ Phía Tây giáp: phường Bình Định và phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn.

+ Phía Nam giáp xã Phước Quang, huyện Tuy Phước.

Quy mô khu vực quy hoạch: 1.015,32ha, gồm toàn bộ ranh giới hành chính xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Dân số 12.572 người, 3.627 hộ dân.

2. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2015		Kỳ cuối, đến năm 2015	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			1.015,32	100,00	1.015,32	100,00	1.015,32	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	777,34	76,56	757,99	74,66	755,28	74,39
1.1	Đất lúa nước (gồm đất chuyên trồng lúa nước và đất lúa nước còn lại)	DLN	668,90	65,88	625,08	61,56	616,87	60,76
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN						
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK	108,44	10,68	112,41	11,07	117,91	11,61
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN						
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD						
	<i>Trong đó: khu bảo tồn thiên nhiên</i>							
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX						
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS						
1.9	Đất làm muối	LMU						
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH			20,50	2,02	20,50	2,02
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	227,60	22,42	247,13	24,34	258,64	25,47
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, CTSN	CTS	1,19	0,12	1,07	0,11	1,07	0,11
2.2	Đất quốc phòng	CQP						
2.3	Đất an ninh	CAN						
2.4	Đất khu công nghiệp	SKK					5,10	0,50
2.5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC	0,58	0,06	0,54	0,05	0,54	0,05
2.6	Đất sản xuất vật liệu XD gồm sứ	SKX	0,59	0,06	0,37	0,04	0,37	0,04
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS						
2.8	Đất di tích danh thắng	DDT	0,19	0,02	0,35	0,03	0,35	0,03
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải	DRA						
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	2,73	0,27	2,70	0,27	2,70	0,27
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	42,19	4,16	45,71	4,50	46,20	4,55

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng		Các kỳ kế hoạch			
					Kỳ đầu, đến năm 2015		Kỳ cuối, đến năm 2015	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
2.12	Đất sông suối	SON	24,83	2,45	24,83	2,45	24,83	2,45
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,18	0,41	4,16	0,41	4,10	0,40
2.14	Đất phát triển hạ tầng	DHT	90,65	8,93	106,93	10,53	108,21	10,66
2.15	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	Đất chưa sử dụng	DCS	10,38	1,02	10,20	1,00	1,40	0,14
4	Đất khu du lịch	DDL						
5	Đất khu dân cư nông thôn	DNT	153,85	15,15	169,80	16,72	176,44	17,38
-	Trong đó: Đất ở nông thôn	ONT	60,47	5,96	60,47	5,96	65,17	6,42

b) Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch:

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)	Phân kỳ	
				2011- 2015	2016- 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	39,43	30,67	8,76
1.1	Đất lúa nước	DLN/PNN	26,38	21,53	4,85
1.2	Đất trồng lúa nương	LUN/PNN			
1.3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNK/PNN	13,05	9,14	3,91
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN			
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN			
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN			
1.7	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN			
1.8	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN			
1.9	Đất làm muối	LMU/PNN			
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	PNN			
2.1	Đất chuyên trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm	LUC/CLN			

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)	Phân kỳ	
				2011-2015	2016-2020
2.2	Đất chuyên trồng lúa nước sang đất lâm nghiệp	LUC/LNP			
2.3	Đất chuyên trồng lúa nước sang đất nuôi trồng thủy sản	LUC/NTS			
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR ^(a)			
2.5	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR ^(a)			
2.6	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR ^(a)			

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy hoạch sản xuất nông nghiệp:

1. Phát triển sản xuất: Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi đạt hiệu quả cao. Đưa nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá bền vững, ứng dụng có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi; xây dựng các mô hình sản xuất theo hình thức trang trại, gia trại, đồng thời nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao; đưa nhanh các giống cây, con có năng suất cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai ở địa phương vào sản xuất. Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 bình quân 6 - 7 %/năm, giai đoạn 2016-2020 bình quân 5 - 6 %/năm.

* Trồng trọt:

- Trong thời gian đến, xã tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng mang lại hiệu quả kinh tế tạo sự ổn định bền vững.

- Công tác tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật được quan tâm đúng mức nhằm giúp cho người nông dân xã nhà có điều kiện tiếp cận, nắm bắt và áp dụng vào trong sản xuất nông nghiệp để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn trên 1 đơn vị diện tích canh tác. Vận động nông dân áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp gọi tắt là IPM, mở rộng diện tích sạ hàng để giảm mật độ sạ, giảm lượng phân bón, từng bước đưa chương trình 3 giảm, 3 tăng vào trong sản xuất nông nghiệp.

+ Cây lúa: Ổn định diện tích đất trồng lúa hàng năm trên 600ha (trên 95% là

đất trồng lúa 02 vụ), sử dụng giống nguyên chủng, giống cấp I để gieo sạ trên 90% diện tích, phấn đấu năng suất bình quân đạt từ 65 - 72 tạ/ha. Giữ vững và phát huy tiềm năng sản xuất 2 vụ lúa/năm. Xã đã quy hoạch khu vực sản xuất giống nông nghiệp, nơi đây sẽ tiến hành thử nghiệm và cung cấp các loại lúa lai, lúa thuần năng suất chất lượng cao, kháng sâu bệnh, phù hợp với nhu cầu thị trường, có giá trị kinh tế và các loại cây giống khác.

+ Đối với cây công nghiệp ngắn ngày chủ yếu là các loại đậu: Bố trí tại các khu vực đất màu dọc theo các rạch, sông suối, chủ động kết hợp với các khu vực trồng lúa có địa hình cao trồng 02 vụ lúa và 01 vụ màu, đưa các giống mới có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất.

+ Rau các loại: Tiếp tục duy trì diện tích hiện có và phát huy hiệu quả khu vực đã quy hoạch. Địa phương tích cực vận động nhân dân ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học hữu cơ sản xuất rau an toàn và xây dựng vùng rau quả thực phẩm. Giá trị sản xuất dự kiến vượt 50 triệu đồng/ha/năm.

+ Trồng hoa và cây cảnh: Để phục vụ cho nhu cầu của nhân dân trong xã và các xã lân cận, tiếp tục khuyến khích người nông dân đầu tư phát triển tại hộ gia đình để nâng cao thu nhập.

* **Chăn nuôi:**

- Địa phương xác định chăn nuôi là nguồn thu nhập chính trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển kinh tế hộ, do vậy trong thời gian tới tập trung quy hoạch phát triển 2 con gia súc chủ lực là bò và lợn theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất; đẩy mạnh lai tạo, tăng dần tỷ lệ máu ngoại trong đàn bò của địa phương lên trên 95% so với tổng đàn.

- Quan điểm phát triển ngành chăn nuôi xã Phước Hưng được phát triển theo hai hướng sau:

+ Hướng chăn nuôi tập trung, quy mô lớn theo phương thức công nghiệp; đối tượng phát triển heo, gà theo hướng này là các chủ trang trại, các doanh nghiệp; trước khi tiến hành nuôi phải có dự án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó, xác định rõ quy mô đàn, phương thức nuôi và đặc biệt phải giải trình rõ phương án xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

+ Hướng chăn nuôi heo, gà theo quy mô gia đình: Theo hướng này, có thể nuôi heo gà trong khu dân cư nhưng quy mô mỗi hộ khoảng 5-10 con heo và 15-20 con gà thả vườn. Khuyến khích các hộ chăn nuôi xây dựng mô hình VAC (nên có hầm biogas) vừa góp phần bảo vệ môi trường vừa có nguồn chất đốt.

- Bên cạnh đó phải chú trọng các biện pháp thú y, vệ sinh chuồng trại, tiêm phòng vacxin đầy đủ.

* **Phát triển kinh tế trang trại:** Ngoài các điểm chăn nuôi nhỏ lẻ tại các hộ gia đình, xã còn quy hoạch 02 điểm chăn nuôi tập trung: Một tại phía Nam kênh TAS3 thuộc xóm 3, thôn Quảng Nghiệp với diện tích khoảng 5,0ha và một tại vùng ruộng Bạ Ngang xóm 14, thôn Háo Lễ với diện tích khoảng 5,5ha.

* **Tiểu thủ công nghiệp - ngành nghề nông thôn:**

- Cây lúa nước là cây trồng chủ lực trên địa bàn xã, vì vậy, xã có lợi thế trong việc phát triển các ngành nghề, dịch vụ như: xay xát, làm bánh tráng, cung cấp phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... và các nghề khác như làm nhang.

- Ngoài ra, xã nằm gần phường Bình Định, có tuyến đường tỉnh 636B chạy qua, đời sống vật chất và tinh thần người dân ngày càng được nâng lên, để đáp ứng cho nhu cầu này, người dân cần phát triển các nghề như: trồng và cung cấp cây kiểng, hoa kiểng, cá kiểng,... cho người dân trong và ngoài xã.

- Tại cụm TTCN của xã, định hướng sẽ là nơi phát triển các ngành nghề tập trung như: cơ khí nông nghiệp, sơ chế các sản phẩm nông nghiệp trước khi tiêu thụ,... góp phần giải quyết lao động tại địa phương, nâng cao đời sống người dân và giúp chuyển dịch cơ cấu lao động.

2. Quy hoạch xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất:

- **Giao thông nội đồng:** Để thuận tiện trong sản xuất nông nghiệp cũng như việc đi lại của nhân dân trong xã, định hướng đến năm 2015 sẽ bố trí các tuyến giao thông trục chính nội đồng dọc hai bên các tuyến kênh thủy lợi chính của xã. Các tuyến giao thông này đồng thời cũng làm bờ kè bảo vệ mương thủy lợi và đạt tiêu chuẩn về giao thông theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải (mặt đường rộng tối thiểu 3m, nền đường rộng tối thiểu 4m). Tổng chiều dài các đường trục chính nội đồng được cứng hóa 12,2km.

- **Hệ thống thủy lợi:** Địa bàn xã có đập dâng Gò Đậu và Bạt Nhu được xây dựng vào những năm 90 nhưng hiện đã xuống cấp, trong thời gian đến sẽ gia cố, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu.

Hệ thống kênh mương nội đồng hiện có 45,3 km; trong đó kênh mương cấp 2 là 32km đã kiên cố kênh mương được 1,55km; kênh mương cấp 3 do xã quản lý có diện tích tưới trên 20 ha dài 13,3km. Cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

3. Quy định về xây dựng và môi trường:

Đảm bảo môi trường khu dân cư xanh, sạch, đẹp; cân bằng lợi ích giữa việc phát triển kinh tế của các tổ chức kinh tế và cá nhân với lợi ích chung của cộng đồng dân cư nhằm đảm bảo phát triển kinh tế xã hội theo hướng bền vững.

Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

Tỷ lệ hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh đạt 100%.

Các cơ sở kinh doanh có cam kết về môi trường đạt tiêu chuẩn.

Quản lý sử dụng và khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững, đảm bảo cân bằng sinh thái không gây tác động xấu đến môi trường.

Nghĩa trang, nghĩa địa được xây dựng theo đúng quy hoạch.

Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Thoát nước thải:

Thiết kế hệ thống thoát nước đi riêng với hệ thống thoát nước mưa.

Giai đoạn đầu thoát nước thải và thoát nước mưa chung, về lâu dài sẽ đầu tư thoát nước thải riêng theo quy hoạch trung tâm xã.

Nước thải sinh hoạt phải qua bể tự hoại 3 ngăn có vật liệu lọc trước khi vào cống.

Cống thoát nước được đặt cách ống cấp nước 1,5m và các loại ống ngầm khác 1m.

Tại các chỗ giao nhau giữa ống cấp và cống thoát nước, ống cấp phải đi phía trên.

Điều 4. Quy hoạch xây dựng:

a) Các điểm dân cư:

- Đối với các điểm, tuyến dân cư dọc hai bên trục giao thông chính: Khi xây dựng, cần tuân thủ chặt chẽ quy định về lộ giới và chỉ giới xây dựng, hành lang an toàn giao thông. Ngoài ra cần thực hiện theo tiêu chuẩn quy định về đất ở và đất xây dựng nhà ở.

- Các hộ dân ở rải rác không nằm trong quy hoạch các điểm dân cư không khuyến khích xây dựng mới. Về lâu dài, cần tạo cơ chế chính sách phù hợp để vận động các hộ dân này di chuyển vào khu vực lập quy hoạch chi tiết các điểm dân cư để thuận tiện cho việc quản lý xây dựng cũng như sử dụng hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội hiệu quả hơn.

- Nhà ở khi xây dựng mới trong khu dân cư tập trung: Cần khuyến khích xây dựng hệ thống vệ sinh đạt chuẩn.

b) Quy hoạch các công trình công cộng:

* **Nhà làm việc, trụ sở cơ quan:** Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng có diện tích 0,35ha và mới được xây dựng 2 tầng, chất lượng các phòng áp đáp ứng tốt cho công tác của các ban, ngành trong xã, trong những năm tới chỉ cần bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ, không mở rộng diện tích đất.

*** Công trình giáo dục:**

- Căn cứ vào hiện trạng cơ sở vật chất hệ thống trường học ở Phước Hưng, căn cứ nhu cầu trường lớp đối với từng cấp, trong thời gian tới sẽ đầu tư xây dựng các công trình giáo dục sau:

+ Xây dựng mới phòng học cho cụm mẫu giáo khu trung tâm: là 1.000 triệu đồng gồm: 4 phòng x 150 triệu đồng/phòng = 600 triệu đồng và khuôn viên, sân chơi 400 triệu đồng.

+ Xây dựng mới phòng chức năng: 14 phòng x 150 triệu đồng/phòng = 2.100 triệu đồng. Trong đó, bậc mầm non 01 phòng; tiểu học 09 phòng và THCS 04 phòng.

+ Cải tạo xây dựng sân chơi, bãi tập: 7 cơ sở x 100 triệu đồng/cơ sở = 700 triệu đồng. Trong đó, bậc mầm non 03 sân; tiểu học 03 sân và THCS 01 sân.

- Tổng vốn thực hiện khoảng: **3.800 triệu đồng**

*** Công trình y tế:**

- Toàn xã có một trạm y tế nằm ở trung tâm với diện tích 1.247,80m², trong đó diện tích xây dựng 200m², có kết cấu một tầng, mái bằng, có các công trình phụ trợ được xây dựng kiên cố và đã đạt chuẩn quốc gia từ năm 2004 nên không cần quy hoạch xây dựng mới.

- Tuy nhiên, trong thực tế có một số hạng mục của trạm y tế đã bị xuống cấp cần duy tu, sửa chữa nhỏ, kinh phí khoảng 300 triệu đồng. Trong thời gian đến cần quan tâm nhất là công tác tiêm phòng ở trẻ em, chăm sóc sức khỏe các đối tượng chính sách, trẻ em dưới 6 tuổi, đối tượng thuộc diện hộ nghèo..., tạo điều kiện mở rộng toàn dân tham gia bảo hiểm y tế.

*** Cơ sở vật chất văn hóa:**

- **Nhà văn hóa xã:** Hiện tại đã có quy hoạch nhưng chưa xây dựng đạt theo chuẩn của Bộ VH-TT-DL. Trong giai đoạn 2011-2015 sẽ tiếp tục đầu tư để đạt chuẩn. Kinh phí dự kiến khoảng 3.000 triệu đồng.

- **Sân thể thao của xã:** Hiện trạng xã chưa có sân vận động, trong giai đoạn 2011-2015 sẽ đầu tư xây dựng phòng tập thể thao và sân bóng đá của xã tại khu trung tâm diện tích khoảng 1,00ha với kinh phí khoảng 1.000 triệu đồng.

- Ngoài hệ thống công viên, cây xanh tại khu trung tâm xã được đầu tư xây dựng, xã còn tổ chức trồng cây lấy bóng mát cho các trục đường của trung tâm xã, kết hợp với mảng cây xanh của công trình công cộng, tạo môi trường sạch và xanh cho khu trung tâm.

- Trong giai đoạn 2011-2015, xã còn định hướng di dời bia tường niệm tại trung tâm xã về thôn Nho Lâm với kinh phí khoảng 500 triệu đồng.

c) Khu vực công trình tôn giáo, tín ngưỡng:

- Đối với công trình tôn giáo, tín ngưỡng: việc bảo tồn xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định hiện hành.

- Đối với công trình di sản: Thực hiện xin ý kiến và báo cáo cơ quan quản lý về văn hóa và thực hiện theo các quy định của Luật di sản văn hóa và pháp luật liên quan;

- Đối với công trình tượng đài: Việc quản lý theo quy định Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

d) Đối với khu vực dự trữ phát triển:

- Tuân thủ quy hoạch được duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển);

- Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng (kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn, trung hạn và du hạn).

e) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Hệ thống giao thông:

+ Đường tỉnh 636B: Đây là tuyến giao thông quan trọng, kết nối từ QL 1A

đi qua các xã phía Đông của huyện Tuy Phước như: Phước Hưng, Phước Quang, Phước Hòa,... Đoạn qua xã Phước Hưng có chiều dài khoảng 1,60km đã được nhựa hóa với chiều rộng 5m, đến năm 2020 sẽ nâng cấp đạt chuẩn cấp IV đồng bằng (mặt 7m, nền rộng 9m) với kết cấu láng nhựa.

+ Đường trục xã: Dài 6,60km, rộng 6m, đã được bê tông hóa. Định hướng đến năm 2015 sẽ nâng cấp đạt tiêu chuẩn cấp đường AH (mặt đường rộng tối thiểu 3,5m; nền đường rộng tối thiểu 6,5m).

+ Đường liên thôn: Có chiều dài 5,80km đã đạt tiêu chuẩn cấp B (theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ giao thông vận tải) với mặt đường rộng 3m, nền rộng 4m và đã được bê tông hoá 100%. Định hướng đến 2020 chỉ duy tu sửa chữa, không nâng cấp mở rộng hay làm mới.

+ Đường ngõ, xóm: Đường ngõ, xóm có tổng số 46,53km; trong đó, đã được bê tông hoá 13,47km chiếm 28,9%, đường cứng hóa bằng đá sỏi là 25,21km chiếm 54,2%, còn lại 7,85km đường đất không lầy lội trong mùa mưa nhưng chưa được cứng hóa chiếm 16,9%. Định hướng đến năm 2015 sẽ cứng hóa toàn bộ và nâng cấp đạt tiêu chuẩn (cấp C) với mặt đường rộng 2m; nền đường rộng 3m.

- **Hệ thống cấp điện:** Bên cạnh việc duy trì mạng lưới điện hiện có, định hướng đến 2015 xây dựng mới 02 trạm biến áp, một tại khu trung tâm xã và một tại khu TTCN (kinh phí khoảng 300 triệu đồng/trạm).

- **Hệ thống cấp nước:** Hiện nay, nguồn nước dưới đất được khai thác thông qua các giếng khoan, giếng đào đủ cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng nguồn nước sử dụng trong sinh hoạt của người dân, trong thời gian đến, xã sẽ phối hợp với huyện và Trung tâm nước sạch để triển khai dự án cung cấp nước sạch cho sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã.

- **Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

Chất thải rắn:

+ Bố trí các thùng rác công cộng, hình thành đội thu gom rác thải để hàng ngày tập trung rác thải về bãi rác thải chung của huyện để xử lý.

+ Xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao.

+ Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp (chôn lấp hoặc ủ kín).

+ Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý.

+ Chất hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc, xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp.

Thoát nước thải:

+ Tại khu vực trung tâm xã, thời gian đầu hệ thống nước thải đi chung với hệ thống thoát nước mưa và về lâu dài cần phải đầu tư riêng.

+ Thiết kế hệ thống thoát nước đi riêng với hệ thống thoát nước mưa.

+ Nước thải sinh hoạt phải qua bể tự hoại 3 ngăn có vật liệu lọc trước khi vào cống.

+ Cống thoát nước được đặt cách ống cấp nước 1,5m và các loại ống ngầm khác 1m.

+ Tại các chỗ giao nhau giữa ống cấp và cống thoát nước, ống cấp phải đi phía trên.

+ Các điểm dân cư ở nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt.

+ Cần tận dụng các ao hồ, sông để thoát nước, nước thải đã xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối với hệ thống thoát nước mưa để thoát nước.

+ Tại khu vực trung tâm xã, tối thiểu phải thu gom 80% lượng nước cấp để xử lý.

- Nghĩa trang:

+ Hiện nay, việc chôn cất, mai táng tại địa phương còn theo tập quán cũ. Trong thời gian đến, để phấn đấu đạt xã nông thôn mới cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường, khai thác tốt quỹ đất trên địa bàn, UBND xã cần tuyên truyền, vận động nhân dân chôn cất người chết tại các nghĩa trang tập trung, không chôn cất tại đất nhà, không mở rộng các nghĩa trang nhỏ lẻ, di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ vào các nghĩa trang tập trung. Hiện tại xã đã có quy hoạch mở rộng nghĩa trang tập trung tại các thôn.

+ Bên cạnh đó, cần quy hoạch trồng hệ thống cây xanh cách ly các nghĩa trang tập trung, bố trí các nghĩa trang tập trung cách khu dân cư tập trung tối thiểu 500m (đối với các nghĩa trang có gây ô nhiễm và ảnh hưởng đến môi trường); có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm luật Bảo vệ môi trường.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Phước Hưng thực hiện theo đúng Quy định này.

Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy định này phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định.

Điều 7. Mọi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm theo pháp luật. *ell*



Trần Hữu Lộc